



VINCERTS 058

391TN - TBC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số.....108...../XN - SKNN&MT

- Tên mẫu/Name of sample
Mẫu 1: Nước đầu vào hệ thống xử lý nước thải số 1: 760 m³/ ngày đêm
(Tọa độ: X=2 325 787 m; Y= 583 667 m);
Mẫu 2: Nước đầu ra hệ thống xử lý nước thải số 1: 760 m³/ ngày đêm
(Tọa độ: X=2 325 740 m; Y= 583 637 m).
- Tên/địa chỉ khách hàng
Name/Address of customer
Trung tâm Quan trắc môi trường - Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường
Số 57 Lê Quý Đôn, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
- Mô tả mẫu/Description
Thể tích ≈ 2,0 lít/mẫu;
Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Nhi trung ương -
Số 18 ngõ 879 Đê La Thành, phường Láng Thượng, Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving
29/12/2023
- Người lấy/gửi mẫu/Sampler
Cán bộ Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường (TTQTMT)
- Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result		Đơn vị Unit	Giá trị tham khảo C*** Reference limit		Phương pháp thử Test method
		Mẫu 1	Mẫu 2		A	B	
1.	pH ^(*)	7,83	7,37	-	6,5-8,5	6,5-8,5	TCVN 6492:2011
2.	BOD ₅ (20°C) ^(*)	155,2	2,9	mg/L	30	50	SMEWW 5210B: 2017
3.	COD ^(*)	262,5	5,4	mg/L	50	100	SMEWW 5220C: 2017
4.	Chất rắn lơ lửng ^(*)	35,1	4,2	mg/L	50	100	TCVN 6625: 2000
5.	Amoni (tính theo N) ^(*)	112,08	0,56	mg/L	5	10	TCVN 5988: 1995
6.	Nitrat (tính theo N) ^(**)	0,15	2,70	mg/L	30	50	TCVN 7323-2:2004
7.	Photphat (tính theo P) ^(*)	3,75	0,26	mg/L	6	10	SMEWW 4500 P,E:2017

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- ** : Phép thử đã được chứng nhận Vincert/ Vincert test certified by MONRE
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result		Đơn vị Unit	Giá trị tham khảo C*** Reference limit		Phương pháp thử Test method
8.	Sunfua (tính theo H ₂ S)**)	4,90	<0,03	mg/L	1,0	4,0	SMEWW 4500-S ²⁻ B,D:2017
9.	Dầu mỡ động thực vật*(**)	16,7	1,3	mg/L	10	20	US EPA Method 1664

Ghi chú/Note: ***: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT về nước thải y tế.
+ Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
+ Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
-: Không có đơn vị.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

VIỆN SỨC KHỎE
NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VICE DIRECTOR


Lương Thị Thanh Thủy


Tạ Thị Bình



Nguyễn Văn Sơn

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- **: Phép thử đã được chứng nhận Vimcert/ Vimcert test certified by MONRE
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



VILAS 679

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH

VIỆN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH

Địa chỉ/Address: 57 Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Tel: 024 3971 4341 (170)



ISO
9001:2015
CERTIFIED

VIMCERTS 058

391TN - TDC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số...110.../XN - SKNN&MT

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu 1: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý số 1: 760 m³ ngày đêm.
(Tọa độ: X = 2.325.787 m; Y = 583.667 m)
Mẫu 2: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý số 1: 760 m³ ngày đêm.
(Tọa độ: X = 2.325.740 m; Y = 583.637 m)

2. Tên/địa chỉ khách hàng
Name/Address of customer

Trung tâm Quan trắc môi trường - Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường
Số 57 Lê Quý Đôn, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Nhi Trung ương
Địa chỉ: Số 18 ngõ 879 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Description

Thể tích: 2,0 lít; Bảo quản điều kiện thường

4. Ngày lấy mẫu/Date of sampling

29/12/2023

5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler

Cán bộ Viện SKNN&MT (TTQT)

6. Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result		Đơn vị Unit	Giá trị C*** Regular limit		Phương pháp thử Test method
		Mẫu 1	Mẫu 2		A	B	
1	Coliforms (***)	2,4x10 ⁵	2,3x10 ³	MPN/100mL	3000	5000	SWEWW 9221F : 2017
2	Salmonella (**)	KPH	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9274B :2023
3	Shigella (**)	KPH	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9276B :2023
4	Vibrio Cholera (**)	KPH	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9278B :2023

Ghi chú/Note: ***: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT về nước thải y tế.

- Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện (giới hạn phát hiện: 3 CFU/100mL)

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
MICROBIOLOGY LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
PHÓ TRƯỞNG KHOA
VICE HEAD OF DEPARTMENT

Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2024
VIỆN SỨC KHỎE
NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VICE DIRECTOR

Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Đàm Thương Thương



Nguyễn Văn Sơn

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- **: Phép thử đã được chứng nhận VIMCERT/ VIMCERT test certified by MONRE
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/ The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa/ The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Faculty

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: NE/2024/71

Tên khách hàng : Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường
Địa chỉ : 57 Lê Quý Đôn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Loại mẫu : Mẫu nước thải
Mã mẫu : PTN/2312.29/16-17
Ngày nhận mẫu : 29/12/2023
Ngày thử nghiệm : 29/12/2023

Ngày hoàn thành: 08/01/2024

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả		QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B)
				M1	M2	
1	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	0,033	0,005	0,1
2	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	1,332	0,310	1

Ghi chú: Mẫu do khách hàng gửi đến, được lấy tại Bệnh viện Nhi Trung Ương ngày 29/12/2023.

- Tên mẫu:

+ M1: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý số 1 Bệnh viện Nhi Trung Ương.

+ M2: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý số 1 Bệnh viện Nhi Trung Ương.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế.

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2024

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KỲ ANH

LÂM THỊ THANH

NGUYỄN HOANG ANH

NEXTECH ECOLIFE

LIVE FOR TOMORROW

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số...109.../XN - SKNN&MT

- Tên mẫu/Name of sample
Mẫu 3: Nước đầu vào hệ thống xử lý nước thải số 2: 750 m³/ ngày đêm
(Tọa độ: X=2 325 946 m; Y= 583 795 m);
Mẫu 4: Nước đầu ra hệ thống xử lý nước thải số 2: 750 m³/ ngày đêm
(Tọa độ: X=2 325 992 m; Y= 583 840 m).
- Tên/địa chỉ khách hàng
Name/Address of customer
Trung tâm Quan trắc môi trường - Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường
Số 57 Lê Quý Đôn, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
- Mô tả mẫu/Description
Thể tích ≈ 2,0 lít/mẫu;
Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Nhi trung ương -
Số 18 ngõ 879 Đê La Thành, phường Láng Thượng, Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving
29/12/2023
- Người lấy/gửi mẫu/Sampler
Cán bộ Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường (TTQTMT)
- Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result		Đơn vị Unit	Giá trị tham khảo C*** Reference limit		Phương pháp thử Test method
		Mẫu 3	Mẫu 4		A	B	
1.	pH ^(*)	8,23	7,54	-	6,5-8,5	6,5-8,5	TCVN 6492:2011
2.	BOD ₅ (20°C) ^(*)	228,7	31,0	mg/L	30	50	SMEWW 5210B: 2017
3.	COD ^(*)	375,0	56,0	mg/L	50	100	SMEWW 5220C: 2017
4.	Chất rắn lơ lửng ^(*)	46,2	16,8	mg/L	50	100	TCVN 6625: 2000
5.	Amoni (tính theo N) ^(*)	45,95	0,56	mg/L	5	10	TCVN 5988: 1995
6.	Nitrat (tính theo N) ^(**)	0,23	9,52	mg/L	30	50	TCVN 7323-2:2004
7.	Photphat (tính theo P) ^(*)	6,78	3,19	mg/L	6	10	SMEWW 4500 P,E:2017

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- ** : Phép thử đã được chứng nhận Vimecert/ Vimecert test certified by MONRE
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/
The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result		Đơn vị Unit	Giá trị tham khảo C*** Reference limit		Phương pháp thử Test method
8.	Sunfua (tính theo H ₂ S)(**)	5,86	<0,03	mg/L	1,0	4,0	SMEWW 4500-S ² - B,D:2017
9.	Dầu mỡ động thực vật(*)(**)	44,55	1,9	mg/L	10	20	US EPA Method 1664

Ghi chú/Note: ***: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT về nước thải y tế.

+ Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

-. Không có đơn vị.

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024

VIỆN SỨC KHỎE
NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VICE DIRECTOR



★ Nguyễn Văn Sơn

Lương Thị Thanh Thủy

Tạ Thị Bình

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- **: Phép thử đã được chứng nhận Vimcert/ Vimcert test certified by MONRE
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/ The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT
Số...../XN - SKNN&MT

1. Tên mẫu/Name of sample

Mẫu 3: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý số 2: 750 m³ ngày đêm.
(Tọa độ: X = 2.325.946 m; Y = 583.795 m)

2. Tên/địa chỉ khách hàng
Name/Address of customer

Mẫu 4: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý số 2: 750 m³ ngày đêm.
(Tọa độ: X = 2.325.992 m; Y = 583.840 m)
Trung tâm Quan trắc môi trường - Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường
Số 57 Lê Quý Đôn, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Nhi Trung ương
Địa chỉ: Số 18 ngõ 879 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội

3. Mô tả mẫu/Description

Thể tích: 2,0 lít; Bảo quản điều kiện thường

4. Ngày lấy mẫu/Date of sampling

29/12/2023

5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler

Cán bộ Viện SKNN&MT (TTQT)

6. Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result		Đơn vị Unit	Giá trị C*** Regular limit		Phương pháp thử Test method
		Mẫu 3	Mẫu 4		A	B	
1	Coliforms (**)	2,4x10 ⁵	4,3x10 ²	MPN/100mL	3000	5000	SWEWW 9221F : 2017
2	Salmonella (**)	KPH	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9274B :2023
3	Shigella (**)	KPH	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9276B :2023
4	Vibrio Cholera (**)	KPH	KPH	CFU/100mL	KPH	KPH	SMEWW 9278B :2023

Ghi chú/Note: ***: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT về nước thải y tế.

- Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện (giới hạn phát hiện: 3 CFU/100mL)

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
MICROBIOLOGY LAB.

KHOA XÉT NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH
MEDICAL TESTING & ENVIRONMENTAL
ANALYSIS DEPARTMENT
PHÓ TRƯỞNG KHOA
VICE HEAD OF DEPARTMENT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024
VIỆN SỨC KHỎE
NGHỀ NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NATIONAL INSTITUTE OF OCCUPATIONAL
AND ENVIRONMENTAL HEALTH
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VICE DIRECTOR

Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Đàm Thương Thương

Nguyễn Văn Sơn

- *: Phép thử đã được BoA công nhận/Accredited test by BoA
- **: Phép thử đã được chứng nhận Vimecert/ Vimecert test certified by MONRE
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường/ The test report must not be reproduced without the written approval of NIOEH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa/ The test result are printed in 02 documents: 01 document is given to customer; 01 document is stored at Faculty

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: NE/2024/72

Tên khách hàng : Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường
Địa chỉ : 57 Lê Quý Đôn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Loại mẫu : Mẫu nước thải
Mã mẫu : PTN/2312.29/18-19
Ngày nhận mẫu : 29/12/2023
Ngày thử nghiệm : 29/12/2023

Ngày hoàn thành: 08/01/2024

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả		QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B)
				M3	M4	
1	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879:2011	0,026	<0,003	0,1
2	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879:2011	1,277	0,304	1

Ghi chú: Mẫu do khách hàng gửi đến, được lấy tại Bệnh viện Nhi Trung Ương ngày 29/12/2023.

- Tên mẫu:

+ M3: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý số 2 Bệnh viện Nhi Trung Ương.

+ M4: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý số 2 Bệnh viện Nhi Trung Ương.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế.

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2024

P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KỲ ANH

LÂM THỊ THANH

NGUYỄN HOÀNG ANH

NEXTECH ECOLIFE

LIVE FOR TOMORROW